

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Số: 160/2021-SCI/CBTT

Vv: CBTT Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ năm  
2021 đã được soát xét

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (+84-24) 3768 4495

Fax : (+84-24) 3768 4490

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Dương Mạnh

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (+84-24) 3768 4495

Fax : (+84-24) 3768 4490

Loại thông tin công bố: 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<http://www.scigroup.vn/vi/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.


Nơi nhận:

-Như trên

-HQQT (b/c)

-VT;HCNS

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



The stamp is a red circular seal with the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' in the center. Around the perimeter, it reads 'M.S.D. 11055' at the top, 'T.C.P.' on the right, 'Q. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI' at the bottom, and 'SCI' in large letters at the bottom center. A handwritten signature in black ink is written across the stamp.

**Phan Dương Mạnh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11-38

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,  
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2021)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,  
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021*



**CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐÌNH GIÁ ATC**

**HA THANH BRANCH - ATC AUDITING AND VALUATION FIRM**

Trụ sở chính: Tầng 8, tháp C, Tòa Central Point, số 219 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Văn phòng 1: Số 53, ngõ 378 phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội

Văn phòng 2: Số 66 phố Hà Trung, Phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel. (+84- 24) 3 991 7977 \* Phone: 0913 120 996

Website: <http://www.atcf.vn>

Số: 2021.11.08.03/BCKT/ATC-HN

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 16/03/2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần SCI cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27/08/2020.

**Chi nhánh Hà Thành - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC**



---

**Lý Trí Hùng - Giám Đốc**

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 1648-2020-047-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>431.068.351.432</b>	<b>552.556.407.235</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>18.082.798.617</b>	<b>58.330.237.013</b>
1. Tiền	111		18.082.798.617	58.330.237.013
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>172.782.950</b>	<b>36.831.019.925</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		635.025.369	8.606.464.744
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(462.242.419)	(1.775.444.819)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>400.827.971.737</b>	<b>448.564.297.213</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	423.592.841.528	455.482.972.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.748.097.940	8.169.317.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	28.049.978.463	33.695.866.823
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(61.562.946.194)	(48.783.859.938)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>11.619.640.216</b>	<b>8.614.485.604</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.619.640.216	8.614.485.604
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>365.157.912</b>	<b>216.367.480</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	43.976.044	77.377.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		250.884.018	97.080.707
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	70.297.850	41.908.914
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>849.698.293.757</b>	<b>576.437.319.001</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>220.000.000</b>	<b>220.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.574.618.445</b>	<b>4.689.827.153</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.521.493.508	4.630.452.214
- Nguyên giá	222		30.263.386.064	30.263.386.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.741.892.556)	(25.632.933.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	53.124.937	59.374.939
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(289.375.063)	(283.125.061)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>1.363.636.364</b>	<b>1.363.636.364</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.363.636.364	1.363.636.364
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>844.540.038.948</b>	<b>570.163.855.484</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		760.662.326.215	553.340.364.504
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		71.600.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.550.000.000	30.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.272.287.267)	(13.726.509.020)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.280.766.645.189</b>	<b>1.128.993.726.236</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>594.318.640.594</b>	<b>514.200.964.879</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>594.261.825.594</b>	<b>514.144.149.879</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	503.720.579.349	458.303.277.972
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	46.275.696.106	46.758.321.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	46.303.666	5.016.580.543
4. Phải trả người lao động	314		337.410.744	760.373.539
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		788.876.712	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.070.121.877	2.525.431.867
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	35.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.022.837.140	780.164.840
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56.815.000</b>	<b>56.815.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	56.815.000	56.815.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>686.448.004.595</b>	<b>614.792.761.357</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>686.448.004.595</b>	<b>614.792.761.357</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		524.267.230.000	524.267.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		524.267.230.000	524.267.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		821.616.000	821.616.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		153.167.071.536	81.511.828.298
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		76.269.155.998	60.206.668.241
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.897.915.538	21.305.160.057
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.280.766.645.189</b>	<b>1.128.993.726.236</b>

Lê Thị Nhung  
Người lậpPhan Dương Mạnh  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	283.759.438.565	462.736.097.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		283.759.438.565	462.736.097.050
4. Giá vốn hàng bán	11	23	280.133.102.055	390.746.780.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.626.336.510	71.989.316.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	105.075.949.827	2.931.853.068
7. Chi phí tài chính	22	25	15.789.227.709	52.354.630.122
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		661.213.783	4.162.904.769
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.075.252.441	3.121.027.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		76.837.806.187	19.445.511.947
11. Thu nhập khác	31	27	38.233.268.668	14.825.478.891
12. Chi phí khác	32	28	38.173.159.317	14.790.238.289
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		60.109.351	35.240.602
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		76.897.915.538	19.480.752.549
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	3.924.910.782
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		76.897.915.538	15.555.841.767

Lê Thị Nhung  
Người lậpPhan Dương Mạnh  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-ĐN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76.897.915.538	19.480.752.549
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.115.208.708	1.234.736.085
- Các khoản dự phòng	03		16.011.662.103	18.156.062.837
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		901.555.609	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(105.075.949.827)	(228.879.566)
- Chi phí lãi vay	06		661.213.783	4.162.904.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.488.394.086)	42.805.576.674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.810.546.100	(303.399.017.759)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.005.154.612)	10.509.441.433
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		44.204.748.844	236.180.738.930
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		33.401.815	(48.441.482)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		7.971.439.375	67.140.158.275
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(4.162.904.769)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.970.276.877)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(18.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>68.556.310.559</b>	<b>49.007.051.302</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(545.454.546)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	473.113.463
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	5.000.000.000
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(278.921.961.711)	(162.865.074.562)
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		105.118.249.827	118.025.431
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(143.803.711.884)</b>	<b>(157.819.390.214)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	95.813.910.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		41.000.000.000	9.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.000.000.000)	(795.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>35.000.000.000</b>	<b>104.018.910.000</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán (50=20+30+40)	50		(40.247.401.325)	(4.793.428.912)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		58.330.237.013	10.807.089.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.071)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán (70=50+60+61)	70	5	<u>18.082.798.617</u>	<u>6.013.660.376</u>



Lê Thị Nhung  
Người lập

Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 524.267.230.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 524.267.230.000 đồng; tương đương 52.426.723 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

**2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ /hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 | năm |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### *Phần mềm máy vi tính*

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

#### *Bằng sáng chế và thương hiệu*

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ kế toán không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.795.324.641	175.460.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.287.473.976	58.154.776.900
	<b>18.082.798.617</b>	<b>58.330.237.013</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Các khoản đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>635.025.369</b>	<b>172.782.950</b>	<b>(462.242.419)</b>	<b>8.606.464.744</b>	<b>9.798.010.550</b>	<b>(1.775.444.819)</b>
SDA	-	-	-	2.963.994.800	1.733.330.000	(1.230.664.800)
CYC	343.331.194	127.845.000	(215.486.194)	343.331.194	47.350.000	(295.981.194)
MHC	-	-	-	5.008.009.375	7.975.000.000	-
Cổ phiếu khác	291.694.175	44.937.950	(246.756.225)	291.129.375	42.330.550	(248.798.825)
	-	-	-	-	-	-
	<b>635.025.369</b>	<b>172.782.950</b>	<b>(462.242.419)</b>	<b>8.606.464.744</b>	<b>9.798.010.550</b>	<b>(1.775.444.819)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>760.662.326.215</b>	<b>742.390.038.948</b>	<b>(18.272.287.267)</b>	<b>553.340.364.504</b>	<b>539.613.855.484</b>	<b>(13.726.509.020)</b>
Công ty Cổ phần SCI E&C	144.571.250.000	144.571.250.000	-	71.366.250.000	71.366.250.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	223.641.076.215	205.368.788.948	(18.272.287.267)	118.749.826.215	105.023.317.195	(13.726.509.020)
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000	6.500.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	385.950.000.000	385.950.000.000	-	356.724.288.289	356.724.288.289	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>71.600.000.000</b>	<b>71.600.000.000</b>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	71.600.000.000	71.600.000.000	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>30.550.000.000</b>	<b>30.550.000.000</b>	-	<b>30.550.000.000</b>	<b>30.550.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	<b>862.812.326.215</b>	<b>844.540.038.948</b>	<b>(18.272.287.267)</b>	<b>583.890.364.504</b>	<b>570.163.855.484</b>	<b>(13.726.509.020)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	59,06%	59,06%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	79,54%	79,45%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Quảng Trị	20,00%	20,00%	Xây dựng điện gió

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ kế toán: xem chi tiết tại Thuyết minh số 34.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI E&C	8.035.780.233	6.442.761.320
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	5.111.318	3.039.679.073
Liên danh CMC/TTD/Sông Đà	79.751.883.066	87.494.043.894
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.020.552.948
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.858.120.349
Nam Sam 3 Power Company Limited	304.282.640.377	325.151.157.630
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.638.753.237	12.476.657.436
	<b>423.592.841.528</b>	<b>455.482.972.650</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)</i>	<b>8.178.459.554</b>	<b>11.074.860.021</b>

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi,	-	-	42.300.000	-
Phải thu về KPCĐ	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	3.751.635.425	-	3.290.066.355	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Phải thu Công ty CP SCI E&C	4.086.359.061	-	13.589.429.480	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	3.817.525.899	-	11.097.580	-
Phải thu khác	16.372.006.828	-	16.740.522.158	(4.556.156.954)
	<b>28.049.978.463</b>	<b>-</b>	<b>33.695.866.823</b>	<b>(4.556.156.954)</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	105.368.301.171	43.805.354.977	109.364.230.129	60.580.370.191
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	<i>16.020.552.948</i>	<i>-</i>	<i>16.020.552.948</i>	<i>-</i>
<i>Liên danh CMC/ITD/Sông Đà</i>	<i>79.751.883.066</i>	<i>41.702.974.046</i>	<i>79.751.883.066</i>	<i>54.688.199.148</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>9.595.865.157</i>	<i>2.102.380.931</i>	<i>13.591.794.115</i>	<i>5.892.171.043</i>
	<b>105.368.301.171</b>	<b>43.805.354.977</b>	<b>109.364.230.129</b>	<b>60.580.370.191</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	444.394.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.175.245.566	-	8.170.090.954	-
	<b>11.619.640.216</b>	<b>-</b>	<b>8.614.485.604</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.363.636.364</b>	<b>1.363.636.364</b>
Dự án Điện gió Quảng Trị	1.363.636.364	1.363.636.364
	<b>1.363.636.364</b>	<b>1.363.636.364</b>

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2021	19.963.241.095	10.202.967.696	97.177.273	30.263.386.064
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>19.963.241.095</b>	<b>10.202.967.696</b>	<b>97.177.273</b>	<b>30.263.386.064</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2021	16.994.861.549	8.540.895.028	97.177.273	25.632.933.850
Trích khấu hao	551.400.258	557.558.448	-	1.108.958.706
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>17.546.261.807</b>	<b>9.098.453.476</b>	<b>97.177.273</b>	<b>26.741.892.556</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2021	2.968.379.546	1.662.072.668	-	4.630.452.214
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.416.979.288</b>	<b>1.104.514.220</b>	<b>-</b>	<b>3.521.493.508</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.546.108.450 đồng.

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhân hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000	92.500.000	342.500.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>250.000.000</b>	<b>92.500.000</b>	<b>342.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	190.625.061	92.500.000	283.125.061
Trích khấu hao	6.250.002	-	6.250.002
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>196.875.063</b>	<b>92.500.000</b>	<b>289.375.063</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	59.374.939	-	59.374.939
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>53.124.937</b>	<b>-</b>	<b>53.124.937</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) <b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.976.044	77.377.859
	<b>43.976.044</b>	<b>77.377.859</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP SCI E&C	488.980.639.747	434.087.834.487	448.146.226.400	422.160.772.466
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.233.218.017	1.233.218.017	1.803.797.752	1.803.797.752
Công ty CP Tư Vấn SCI	1.017.297.464	1.017.297.464	84.906.908	84.906.908
Các khoản phải trả khác	12.489.424.121	12.489.424.121	8.268.346.912	8.268.346.912
	<b>503.720.579.349</b>	<b>448.827.774.089</b>	<b>458.303.277.972</b>	<b>432.317.824.038</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>489.997.937.211</b>	<b>489.997.937.211</b>	<b>448.231.133.308</b>	<b>448.231.133.308</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)***16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Nam Sam 3 Power Company Limited	46.275.696.105	46.275.696.105
Các đối tượng khác	1	482.625.013
	<b>46.275.696.106</b>	<b>46.758.321.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,  
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ kế toán	Số phải nộp đầu kỳ kế toán	Số phải nộp trong kỳ kế toán	Số đã thực nộp trong kỳ kế toán	Số phải thu cuối kỳ kế toán	Số phải nộp cuối kỳ kế toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.101.987	46.303.666	20.659.644	4.557.657	-	46.303.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.970.276.877	-	4.970.276.877	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	25.806.927	-	262.311.973	306.802.896	70.297.850	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	<b>41.908.914</b>	<b>5.016.580.543</b>	<b>286.971.617</b>	<b>5.285.637.430</b>	<b>70.297.850</b>	<b>46.303.666</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	179.150.280	191.275.070
Bảo hiểm xã hội	5.495.760	26.553.115
Thù lao Hội đồng quản trị	61.271.808	170.546.808
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.824.204.029	2.137.056.874
	<u><b>2.070.121.877</b></u>	<u><b>2.525.431.867</b></u>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><b>56.815.000</b></u>	<u><b>56.815.000</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2021		Trong kỳ kế toán		30/06/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Vay Công ty CP SCI Nghệ An (*)	-	-	31.000.000.000	4.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Vay Công ty CP Tư Vấn SCI (*)	-	-	10.000.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	-	-	<b>41.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

(\*) Khoản vay Công ty CP SCI Nghệ An theo hợp đồng số 20210201/SCINA-SCI và Công ty CP Tư Vấn SCI theo hợp đồng 2021/2704/SCI-PMC với lãi suất 6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2020</b>					
Tại ngày 01/01/2020	428.292.770.000	982.166.000	8.192.087.059	60.206.668.241	497.673.691.300
Tăng vốn trong kỳ trước	95.974.460.000	(160.550.000)	-	-	95.813.910.000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	21.305.160.057	21.305.160.057
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>524.267.230.000</b>	<b>821.616.000</b>	<b>8.192.087.059</b>	<b>81.511.828.298</b>	<b>614.792.761.357</b>
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>					
Tại ngày 01/01/2021	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	81.511.828.298	614.792.761.357
Lãi/lỗ trong kỳ kế toán	-	-	-	76.897.915.538	76.897.915.538
Trích lập quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo Nghị quyết Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2021	-	-	-	(5.242.672.300)	(5.242.672.300)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>524.267.230.000</b>	<b>821.616.000</b>	<b>8.192.087.059</b>	<b>153.167.071.536</b>	<b>686.448.004.595</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	(%)
Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng	109.686.690.000	20,92%	57.259.970.000	10,92%
Vốn góp của các cổ đông	414.580.540.000	79,08%	467.007.260.000	89,08%
	<b>524.267.230.000</b>	<b>100%</b>	<b>524.267.230.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	524.267.230.000	524.267.230.000
- Vốn góp đầu kỳ kế toán	524.267.230.000	428.292.770.000
- Vốn góp tăng trong kỳ kế toán	-	95.974.460.000
- Vốn góp cuối kỳ kế toán	524.267.230.000	524.267.230.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.426.723	52.426.723
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	52.426.723
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	52.426.723
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	<b>8.192.087.059</b>	<b>8.192.087.059</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	361,53	2.462.583,74
Đồng Lak	5.091.187.708,00	421.658.269,00

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.629.152.000	5.710.349.085
Doanh thu hợp đồng xây dựng	282.130.286.565	457.025.747.965
Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ kế toán	282.130.286.565	457.025.747.965
- toán		
	<b>283.759.438.565</b>	<b>462.736.097.050</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>1.629.152.000</b>	<b>3.603.016.586</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	917.355.984	4.916.453.501
Giá vốn hợp đồng xây dựng	279.215.746.071	385.830.327.487
	<b>280.133.102.055</b>	<b>390.746.780.988</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.774.827	78.675.831
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.049.175.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán	-	2.853.177.237
	<b>105.075.949.827</b>	<b>2.931.853.068</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	661.213.783	4.162.904.769
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.828.261.063	29.501.530.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán	8.967.032.294	509.924.597
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.232.575.847	18.156.062.837
Chi phí tài chính khác	100.144.722	24.207.493
	<b>15.789.227.709</b>	<b>52.354.630.122</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	214.362.414	192.712.687
Chi phí nhân công	1.849.799.717	1.997.728.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.852.724	197.852.724
Thuế, phí, lệ phí	77.548.534	58.231.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.570.887	371.928.240
Chi phí khác bằng tiền	564.031.909	302.574.290
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.779.086.256	-
	<b>16.075.252.441</b>	<b>3.121.027.061</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	473.113.463
Phí bảo hiểm rủi ro dân dự tự nguyện của công trình Nam Sam kì 1	19.765.730.040	-
Thu nhập từ bán vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	16.003.458.915	12.387.566.309
Thu nhập khác	2.464.079.713	1.964.799.119
	<b>38.233.268.668</b>	<b>14.825.478.891</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	322.909.728
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	48.000.000	143.801.361
Phí bảo hiểm rủi ro dân dự tự nguyện của công trình Nam Sam kì 1	19.765.730.040	-
Chi phí mua vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	16.003.458.915	12.419.948.153
Chi phí khác	2.355.970.362	1.903.579.047
	<b>38.173.159.317</b>	<b>14.790.238.289</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.897.915.538	19.480.752.549
Các khoản điều chỉnh tăng	75.752.891	143.801.361
- Chi phí không hợp lệ	75.752.891	143.801.361
Các khoản điều chỉnh giảm	(105.049.175.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(105.049.175.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(28.075.506.571)	19.624.553.910
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>3.924.910.782</b>

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.362.414	192.712.687
Chi phí nhân công	2.515.130.180	2.365.064.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.115.208.708	1.234.736.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.948.141.107	376.447.831.691
Chi phí khác bằng tiền	642.580.443	303.574.290
	<b>286.435.422.852</b>	<b>380.543.918.873</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.082.798.617	-	-	18.082.798.617
Phải thu khách hàng, phải thu khác	390.079.873.797	220.000.000	-	390.299.873.797
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	172.782.950	-	-	172.782.950
Đầu tư dài hạn	-	102.150.000.000	-	102.150.000.000
	<b>408.335.455.364</b>	<b>102.370.000.000</b>	-	<b>510.705.455.364</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.330.237.013	-	-	58.330.237.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	440.394.979.535	220.000.000	-	440.614.979.535
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	36.831.019.925	-	-	36.831.019.925
Đầu tư dài hạn	-	30.550.000.000	-	30.550.000.000
	<b>535.556.236.473</b>	<b>30.770.000.000</b>	-	<b>566.326.236.473</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Vay và nợ	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Phải trả người bán, phải	505.790.701.226	56.815.000	-	505.847.516.226
Chi phí phải trả	788.876.712	-	-	788.876.712
	<b>541.579.577.938</b>	<b>56.815.000</b>	-	<b>541.636.392.938</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải	460.828.709.839	56.815.000	-	460.885.524.839
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<b>460.828.709.839</b>	<b>56.815.000</b>	-	<b>460.885.524.839</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 99% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	767.182.000	282.992.256.565	283.759.438.565
Tài sản bộ phận	896.732.121.746	384.034.523.443	1.280.766.645.189
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán:

Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
	đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	13.485.316	140.212.065
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	662.666.385	485.715.315
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	401.949
Công ty Cổ phần SCI E&C	38.513.087.320	15.170.594.223
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	3.032.390.556	7.621.032.510
Công ty Cổ phần SCI E&C	269.681.487.071	356.694.932.323
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	29.225.711.711	152.474.288.289
Công ty Cổ phần SCI E&C	73.205.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	71.600.000.000	-
<b>Tiền vay</b>		
Công ty TNHH SCI Nghệ An	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	8.000.000.000	-
<b>Lãi đi vay vốn</b>		
Công ty TNHH SCI Nghệ An	687.616.438	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	101.260.274	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận được</b>		
Công ty Cổ phần SCI E&C	105.049.175.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	5.111.318	3.039.679.073
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	137.568.003	1.379.276.168
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	213.143.460
Công ty Cổ phần SCI E&C	8.035.780.233	6.442.761.320
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần SCI E&C	488.980.639.747	448.146.226.400
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	1.017.297.464	84.906.908
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần SCI E&C	4.086.359.061	13.589.429.480

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>821.388.000</b>	<b>865.547.727</b>
Nguyễn Công Hùng	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Chính Đại	48.000.000	48.000.000
Đoàn Thế Anh	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Minh Hùng	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Phúc	288.582.000	375.818.409
Phạm Văn Nghĩa	49.602.000	105.729.318
Nguyễn Văn Độ	49.602.000	-
Vũ An Minh	49.602.000	-

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu số liệu so sánh Báo cáo kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

---

**Lê Thị Nhung**  
 Người lập

---

**Phan Dương Mạnh**  
 Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Văn Phúc**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021